

VỀ TÁNG THỨC MỘ CHUM Ở NHÓM CƯ DÂN TÀY, HOA, NÙNG VÀ THÁI TẠI THỊ TRẤN LIÊN NGHĨA, HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

PGS.TS. Cao Thế Trình
Trường Đại học Đà Lạt

Tóm tắt: Qua tư liệu điền dã, đối chiếu với các nguồn tài liệu từ internet về táng thức mộ chum ở những cư dân thuộc dân tộc Choang và nhóm Khách gia ở khu vực Đông Nam Trung Quốc cho thấy, tập tục cải táng vào lu (ẩn xùg) ở nhóm cư dân Tày, Hoa, Nùng và Thái tại thị trấn Liên Nghĩa (huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng) là sự kế thừa từ truyền thống nguyên quán của họ - các tỉnh khu vực Đông Nam Trung Quốc. Khi sang Việt Nam và sau đó di cư vào Liên Nghĩa từ giữa thế kỷ XX, các nhóm cư dân này đã mang theo táng thức mộ chum và tiếp tục duy trì trên quê hương mới. Táng tục này đã có từ thời tiền sử, rất phổ biến ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á, trong đó có những di chỉ thuộc các nền văn hóa Sa Huỳnh, Lung Leng, Cần Giở đang thấy tại thị trấn Liên Nghĩa. Tuy là minh chứng cho một táng thức từ hàng ngàn năm trước, nhưng hiện nay cần bỏ tập tục này và tập tục cải táng nói chung vì phản vệ sinh, ảnh hưởng tới môi trường sống và sức khỏe của những người trực tiếp tham gia cải táng.

Từ khóa: Hung táng, cải táng, táng thức mộ chum, tập tục cải táng vào lu.

Ngày nhận bài: 2/1/2020; ngày gửi phản biện: 28/2/2020; ngày duyệt đăng: 17/4/2020

Táng thức mộ chum/vò (jar burial customs) hay cải táng vào chum/vò (jar reburial customs) còn được biết đến trong các nguồn tài liệu Trung văn bằng những thuật ngữ 瓮棺葬 (úng quan táng), 陶葬 (đào táng) hay 金罍葬 (kim anh táng)", là hiện tượng bắt gặp khá phổ biến trong các di chỉ khảo cổ học thời tiền sử ở Đông Á và Đông Nam Á, trong đó có các di chỉ thuộc Văn hóa Sa Huỳnh phân bố dọc các tỉnh duyên hải miền Trung và di chỉ Lung Leng ở tỉnh Kon Tum (Vũ Công Quý, 1999; Lâm Thị Mỹ Dung, 2003; Nguyễn Thị Hậu, 2008; 中国社会科学院考古研究所, 2018). Trải qua hàng chục thế kỷ, táng thức này đã bị mai một, hầu như không được phản ánh trong các công trình nghiên cứu về phong tục - tập quán của các dân tộc trong khu vực. Từ một cuộc khảo sát điền dã tại thị trấn Liên Nghĩa (huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng), chúng tôi được biết, đến nay các cư dân Tày, Hoa, Nùng và Thái ở đây vẫn còn bảo lưu một hình thức cải táng độc đáo: xương cốt người chết được cho vào những cái lu, chứ không phải vào những chiếc tiểu sành hình hộp chữ nhật như ở người Việt các tỉnh phía Bắc. Đây là một hiện tượng "lạ", nhất là trong bối cảnh cư dân

tại các tỉnh phía Nam đất nước hầu như không có tục cải táng. Chúng tôi đã cố gắng tham khảo hầu hết những tư liệu có liên quan tới nghi lễ tang ma của các tộc người này ở Việt Nam và cả dân tộc Choang ở Trung Quốc - nơi mà người Tày, người Nùng và các tộc người La Chí, Pu Péo, Sán Chay được gộp chung vào tộc danh đó (国家民委民族问题五种丛书编辑委员会, 1984, tr. 495-508), kết quả là chúng tôi chưa gặp công trình/bài viết nào đề cập tới tập tục cải táng ở khối cư dân này, kể cả bài khảo sát phong tục tang ma của người Nùng ở Đức Trọng của tác giả Nguyễn Huy Khuyến công bố cách đây chưa lâu (Nguyễn Huy Khuyến, 2013, tr. 9-12). Vẫn biết, lâu nay khi đề cập tới phong tục tang ma của các dân tộc, giới Dân tộc học/Nhân học thường chỉ trình bày đến nghi thức mai táng lần đầu (*hung táng*), hình thức *cải táng* (có thể do ít phổ biến hơn) hầu như chưa được quan tâm tới. Vì vậy, chúng tôi đã liên lạc với một số nhà dân tộc học là người dân tộc Tày và đều xác nhận là chưa hề bắt gặp phong tục này ở dân tộc mình. Vậy tại sao táng tục độc đáo đó lại xuất hiện giữa một vùng đất phía Nam cao nguyên Lang Bian, nơi bao quanh bởi những cư dân Thượng và cả người Việt ở đây không hề có tục cải táng? Phải chăng đây là sự kế tục táng tục mộ chum của các cư dân thuộc các nền văn hóa Sa Huỳnh, Lung Leng? Dưới đây, chúng tôi cố gắng đi tìm lời giải cho vấn đề này.

1. Vài nét về nguồn gốc bộ phận cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái tại thị trấn Liên Nghĩa và nghi lễ tang ma của họ

Thị trấn Liên Nghĩa được thành lập vào ngày 6/3/1984 trên cơ sở sát nhập xã Tùng Nghĩa và thôn Liên Hiệp của xã Liên Hiệp (Ban Chấp hành Đảng bộ thị trấn Liên Nghĩa, 2015, tr. 12). Bộ phận cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái ở đây có liên quan tới sự ra đời của xã Đại xã Tùng Nghĩa 64 năm trước, gắn với chương trình tái định cư của chính quyền Ngô Đình Diệm đối với bộ phận dân di cư từ các tỉnh phía Bắc sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (21/7/1954). Thành phần cư dân ban đầu tại Tùng Nghĩa liên quan tới 3 đợt chuyển cư vào các năm 1954, 1955 và 1963. Đợt 1 năm 1954 gồm có 745 người Thổ (tức Tày), 523 người Thái (cả Thái đen và Thái trắng) và 5 hộ người Việt. Đây là những gia đình có người tham gia quân đội và bộ máy cai trị của Pháp từ các tỉnh Đông Bắc (Tày) và Tây Bắc (Thái), được chính quyền thực dân Pháp di cư về Hà Nội vào các năm 1950 (Tày) và 1952 (Thái) sau các chiến dịch Biên giới và Tây Bắc của Quân đội nhân dân Việt Nam. Ngày 5/8/1954, họ được đưa bằng máy bay từ Hà Nội vào Đà Lạt, tạm cư tại đây hơn 3 tháng. Đến ngày 16/11/1954, họ được chuyển xuống vùng đất Liên Nghĩa - khi đó còn hoang vu, bạt ngàn cây cỏ. Đợt 2 diễn ra vào ngày 15/4/1955, chính quyền Sài Gòn tiếp tục chuyển thêm 363 người Nùng Phàn Slinh từ Sông Mao, Bình Thuận lên. Họ cũng thuộc những gia đình có người tham gia quân đội và bộ máy cai trị của Pháp ở Lục Nam (tỉnh Bắc Giang), được chính quyền thực dân Pháp chuyển cư về Cẩm Phả. Ngày 4/9/1954, họ được di chuyển bằng tàu của Hải quân Pháp vào Lãng Cô, ở lại đây 4 tháng, sau đó di chuyển tiếp bằng tàu thủy vào Gò Vấp ít ngày, tiếp đó đáp xe lửa ra Sông Mao. Do ở đây không đủ đất canh tác, mấy tháng sau, họ lại

được chuyển lên Tùng Nghĩa (Trần Châu Ngọc, 1971, tr. 23-30, 51). Đợt 3 diễn ra từ năm 1963 và rải rác trong những năm sau đó, khi chính quyền Sài Gòn tiếp tục chuyển một bộ phận những gia đình “quân - cán - chính” đi theo thủ lĩnh Voòng A Sáng từ cái gọi là “Khu tự trị Nùng” ở Hải Ninh (gồm các huyện, thị phía Đông tỉnh Quảng Ninh hiện nay) vào Nam sau Hiệp định Giơ-ne-vơ. Bộ phận này còn được biết đến với các tên gọi là “người Hoa”, “Hoa Nùng” hay “Nùng Móng Cái” với số lượng khá đông (4.756 nhân khẩu vào năm 1971).

Như vậy, khác với phần đông người Hoa ở phía Nam đất nước có tổ tiên là những cư dân tị nạn nhà Thanh từ cuối thế kỷ XVII, đầu thế kỷ XVIII, được các chúa Nguyễn bố trí định cư tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long (Đào Trinh Nhất, 2016, tr. 35-36), bộ phận người Hoa ở Liên Nghĩa có một lai lịch khác. Theo ông Trần Trung Nam - Chủ tịch Hội người Hoa tại Liên Nghĩa, phần đông người Hoa ở đây có gốc gác từ huyện Phòng Thành, tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc (nay là Phòng Thành cảng thị, thuộc Khu tự trị Choang). Năm 1945, sau sự đổ vỡ của liên minh kháng Nhật giữa Đảng Cộng sản Trung Quốc và Trung Hoa Quốc dân đảng (Quốc - Cộng hợp tác), cha ông họ - vốn thân với phe Quốc dân đảng đã di cư sang Hải Ninh. Thời kỳ 1947 - 1954, thực hiện âm mưu “chia để trị”, trên vùng đất Hải Ninh, thực dân Pháp đã thành lập “Khu tự trị Nùng” (*Territoire Autonome Nung*) do Voòng A Sáng (Hoàng Phúc Thịnh) đứng đầu. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Voòng A Sáng kéo theo toàn bộ “quân - cán - chính và quyền thuộc của họ” vào đầu quân cho chính quyền Việt Nam cộng hòa. Lúc đầu họ được bố trí tạm cư tại khu vực Ba Ngòi (Khánh Hòa), về sau chuyển vào vùng hạ lưu sông Ma Ó, Bình Thuận (về sau đọc thành sông Mao). Do mật độ dân di cư vùng này hồi đó khá cao, vào năm 1963, chính quyền Sài Gòn tiếp tục đưa một bộ phận lên Tùng Nghĩa. Do vậy, thành phần người Hoa ở Liên Nghĩa ngày nay chủ yếu là những người nói phương ngữ Quảng Đông, trong đó có khoảng 1/3 là người *Ngái* (còn được gọi là *Hẹ* hay *Hắc-cá*, âm Hán-Việt là *Khách gia*), tức bộ phận người Hán phương Nam, ở phía Nam sông Trường Giang - khác với người Hán phương Bắc (trung nguyên), nơi mà việc đào bới mồ mả bị xem là “đại nghịch bất đạo”. Do vị trí ngã ba đường, lại thêm tin đồn về việc xây dựng thủ phủ tỉnh Tuyên Đức tại đây, nên cư dân của xã Tùng Nghĩa không ngừng tăng nhanh. Theo số liệu thống kê ngày 2/2/1971, có 16.241 người, trong đó chủ yếu là người Tày, Nùng và người Hoa Nùng hay Nùng Móng Cái. Người Việt (Kinh) lúc đó còn là thiểu số so với các dân tộc khác trên địa bàn với 1.850 người (Trần Châu Ngọc, 1971, tr. 217, 101).

Theo số liệu thống kê, đến ngày 28/4/2018, thị trấn Liên Nghĩa có hơn 47.617 nhân khẩu, trong đó: người Việt có 29.791 khẩu (62,6%), người Tày có 5.127 khẩu (10,77%), người Hoa có 5.415 khẩu (11,3%), người Nùng có 5.238 khẩu (11%), người Thái có 1.277 khẩu (2,9%). Ngoài ra còn có 501 người tự khai là “Thổ”, nhưng không phải là dân tộc Thổ - thuộc nhóm Ngôn ngữ Việt - Mường, cư trú chủ yếu ở miền Tây tỉnh Nghệ An và một phần tỉnh Thanh Hóa, mà chỉ là một tên gọi khác của người Tày. Họ nói ngôn ngữ Tày - Thái, bảo lưu những nét văn hóa truyền thống của cư dân Tày, nên có khi vẫn khai là người Tày, dẫn tới dân số bộ phận “Thổ” này liên tục biến động theo chiều hướng giảm: 1.256 người năm

2003, còn 760 người năm 2007 (Đào Thị Hằng, 2010, tr. 17-18), và đến nay còn 501 người. Như vậy, thực chất người Tày ở đây có 5.628 khẩu, chiếm 11,8 % (UBND thị trấn Liên Nghĩa, 2018). So với số liệu thống kê từ 2/2/1971, cả 4 khối cư dân có nguồn gốc từ các tỉnh miền núi phía Bắc đều không tăng, thậm chí giảm nhẹ. Nguyên nhân là do có một bộ phận đã chuyển cư sang các địa phương lân cận như xã Phú Hội (huyện Đức Trọng), xã Tân Văn (huyện Lâm Hà), huyện Định Quán (tỉnh Đồng Nai)..., nhất là trong giai đoạn 1976 - 1986.

Do gần gũi về nguồn gốc và ngôn ngữ, lại cộng cư trên cùng một địa bàn, nên nhìn chung nghi lễ tang ma của các cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái tại Liên Nghĩa có nhiều điểm tương đồng. Điều đáng chú ý là do có quan hệ cộng tác với chính quyền thực dân Pháp nên bộ phận dân cư thiểu số này từng chịu ảnh hưởng văn hóa phương Tây, lại trải qua hơn nửa thế kỷ cộng cư với người Việt, trong bối cảnh giao lưu, hội nhập quốc tế khá sâu rộng, nhiều yếu tố văn hóa vật chất đã mai một, không còn được duy trì, nhất là trong sinh hoạt kinh tế, nhà cửa, trang phục...; song các tập tục liên quan tới nghi lễ vòng đời, nhất là tang lễ ở bộ phận cư dân này vẫn được bảo lưu khá nguyên vẹn, phân biệt rõ nét với bộ phận cư dân Việt trên cùng địa bàn - “chỉ cần nhìn qua là biết”, theo cách nói của người Việt ở đây, bởi những đám rước ma rầm rộ cờ quạt, tàn lọng, nhất là nhà táng, cây tiền. Khi có người chết, thân nhân người quá cố không tự đứng ra chủ trì các nghi thức tang lễ mà phải thông qua thầy cúng. Họ phải thực hiện một loạt nghi lễ khá phức tạp, theo sự điều hành của thầy cúng, nhất là các khâu lấy nước rửa mặt người chết, các nghi thức liên quan tới đầu tích thờ gà làm vật tổ ở các cư dân Tày - Thái cổ (bao gồm cả người Nùng). Trình tự các nghi thức là: ngày thứ nhất cúng *trúng gà sống* → ngày thứ hai thay bằng *gà chưa mọc lông* (gà nhép bị bóp chết vật trụi lông) → ngày di quan - thả *gà to còn sống* xuống huyệt,... Ngoài ra là tục nằm đường (nằm ngựa), tục cúng nhà táng, “cây tiền”, tục làm nhà mồ (che bằng mái tôn)..., và nhất là tục cải táng vào *ấn xùng/ ấn xứng* (tức “cái lu” theo tiếng Tày /Nùng).

2. Tục cải táng vào lu của các cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái ở thị trấn Liên Nghĩa - dấu tích của táng thức mộ chum/vò từ thời tiền sử

Cải táng (*rerubial* / 改葬 / 遷葬 - “cải táng”/“thiên táng”, tức “dời mộ”) là tục lệ phổ biến ở cư dân các nước Á Đông và vẫn còn được bảo lưu cho đến hôm nay ở nhiều tộc người. Ở người Việt các tỉnh phía Bắc, sau khi mãn tang (3 năm) và trong gia tộc (5 đời trở lại) không có tang “ma mới” là có thể tiến hành *cải táng* (còn gọi là *cát táng/sang cát*, “sang nhà mới cho ông/ bà”...) để phân biệt với chôn cất lần đầu là *hung táng*. Lý do được giải thích là do lúc mới chết, thi hài người quá cố được chôn trong quan tài bằng gỗ, sau một thời gian quan tài sẽ bị mục, đất cát sẽ đè lên “cơ thể ông/bà”, nên cần sang nhà mới cho sạch sẽ, kiên cố hơn (tiểu sành).

Tuy nhiên, vấn đề ở chỗ hình dáng của “căn nhà mới” - ở người Tày, Hoa, Nùng, Thái tại thị trấn Liên Nghĩa có hình *cái lu*, chứ không phải hình *hộp chữ nhật* như ở người Việt.

Cho đến nay, cạnh chợ Liên Nghĩa, *ấn xù*ng được bày bán trong một số gian hàng bán đồ sành, sứ thủy tinh nói chung (chậu cảnh, hũ đựng rượu, lọ hoa...) với giá là 250.000 VNĐ/chiếc. Lu cao 53cm, đường kính đáy và miệng 30cm, ở giữa hơi phình (đường kính 33cm), trên có nắp đậy, đáy có lỗ nhỏ độ 1,5cm. Do thổ nhưỡng của vùng Liên Nghĩa và cả khu vực lân cận là đất bazan, không thể chế tác đồ sành sứ, nên những chiếc lu này được đặt hàng tại các lò gốm ở các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương. Cũng do đặc thù của thổ nhưỡng vùng này, nên thông thường phải sau khi hưng táng từ 5 - 6 năm trở lên, người chết mới được cải táng. Nghi thức để tiến hành cải táng cũng khá phức tạp và tốn kém. Điều đáng chú ý là hài cốt được sắp xếp theo trật tự: các đốt xương sống phải “lắp” theo đúng thứ tự (người Nùng Phàn Slình còn dùng một cành đào làm “trụ” rồi sắp xuyên từng đốt xương sống vào trụ đó). Phía dưới là xương chậu. Các xương sườn, xương chân, xương tay... cũng được sắp xếp theo thứ tự trái phải, trên dưới. Trên cùng là xương sọ. Tóm lại, nói theo lời thầy pháp Vi Văn Dền - bộ hài cốt được xếp “theo tư thế ngồi”. Không nghi ngờ gì nữa, đây là ảnh xạ của táng thức mộ vò/mộ chum có từ thời hậu kỳ đá mới - thời đại kim khí, tương đương với các thế kỷ trước và sau công nguyên trên đất nước ta, thường gặp hơn cả là trong các di chỉ thuộc văn hóa Sa Huỳnh dọc duyên hải các tỉnh Trung và Nam Trung Bộ. Đáng rằng, ở đây có điểm khác biệt: chum vò được thay bằng lu, nhưng vẫn có dạng hình trụ. Điều đáng nói là táng thức mộ chum/vò đã lùi vào quá vãng từ hàng chục thế kỷ, song hình thức cải táng vào lu lại vẫn được bảo lưu ở bộ phận cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái nơi đây cho tới tận hôm nay. Sau khi cải táng, mộ được đắp theo hình nửa quả bầu (viên phần) và thường được trát vữa để cỏ không thể mọc. Theo lời thầy pháp Vi Văn Phong, trước đây các ngôi mộ loại này có hình mai rùa với tường bao hình thuyền. Tại nghĩa trang của người Nùng ở Liên Nghĩa hiện nay, có thể nhiều ngôi mộ đã được xây theo kiểu người Việt (hình hộp chữ nhật, tường bao cũng theo hình chữ nhật), tuy nhiên một số vẫn xây theo kiểu hình nửa quả bầu, thậm chí có cả biến thể theo hình hồ lô (của người Hoa). Bên cạnh một số ngôi mộ có tường bao hình thuyền, phần lớn đã chuyển sang tường bao theo hình chữ nhật, đỉnh 4 đầu trụ ở 4 góc thường gắn búp sen bằng sứ giống như các khu lăng mộ của người Kinh. Một điểm đáng lưu ý là việc cải táng ở bộ phận cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái tại thị trấn Liên Nghĩa được tiến hành vào ban ngày, bắt đầu vào buổi sáng, diễn ra giữa “thanh thiên bạch nhật”; trong khi công việc này ở người Việt các tỉnh phía Bắc thường diễn ra vào ban đêm, bắt đầu vào lúc nửa đêm và kết thúc trước lúc trời sáng, bao hàm cả việc chôn lại. Theo quan niệm của người Việt, ban đêm là “thời gian sinh hoạt của cõi âm”.

Rõ ràng, táng tục ở khối cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái ở Liên Nghĩa là khá độc đáo, chỉ ít cũng là trong bối cảnh ở phía Nam đất nước từ lâu hầu như không có tục cải táng và nhất là lại cho xương cốt vào những cái lu. Vì thời gian xuất hiện của khối cư dân nói trên tại địa bàn mới hơn 60 năm nên không thể xem họ là “truyền nhân” hay “hậu duệ” của những cư dân thuộc các nền văn hóa trong khu vực như Văn hóa Sa Huỳnh, Văn hóa Lung Leng hay Văn hóa Cần Giờ, bởi những nền văn hóa nói trên đã ngừng phát quang từ hàng ngàn năm

trước. Qua phỏng vấn, được biết táng tục này đã được những cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái đem vào đây từ nguyên quán của họ - các tỉnh miền núi phía Bắc. Dò hỏi và lục tìm tư liệu, chúng tôi được biết ở người Thái Đen (Táy Đăm) trước đây có tục hỏa táng và sau đó người con trai trưởng dùng cây mía gắp xương cho vào một cái chum, song theo Trần Châu Ngọc, khi vào Tùng Nghĩa, họ đã bỏ tục hỏa thiêu (Trần Châu Ngọc, tr. 74, 76). Do khối cư dân Tày, Nùng, Thái đều là những tộc người có nguồn gốc của từ Trung Quốc di dân sang Việt Nam từ các thế kỷ XIII - XVII, và ở Trung Quốc, khối người Tày - Nùng được gộp chung vào dân tộc Choang (Zhuang, 壮 - “Tráng”), nên chúng tôi đã dò tìm trên mạng tìm kiếm thông tin Google theo các từ khóa “jar burial in Zhuang ethnic”, “瓮棺葬在壮族” (“úng quan táng tại Tráng tộc”),... Kết quả, các key-words nói trên đã đem đến một lượng thông tin khá phong phú về táng tục này ở nhiều quốc gia trong khu vực Đông Bắc Á và Đông Nam Á, thậm chí còn có cả một hội nghị quốc tế (interworkshop) 4 ngày, từ ngày 13 đến ngày 16/5/2017 tại thành phố Hoàng Hoa (tỉnh Hồ Bắc) với chủ đề “Táng thức mộ chum và giao lưu văn hóa ở khu vực Đông Á thời cổ đại” (瓮棺葬与古代东亚文化交流国际学术研讨会) với sự tham gia của hàng chục nhà khoa học đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc.

Như vậy, từ trong các xuất bản phẩm về Dân tộc học/Nhân học, chúng tôi chưa bắt gặp những thông tin về táng thức mộ chum/vò của các tộc người hiện nay ở khu vực được nghiên cứu, nhưng qua trang thông tin mạng, những thông tin liên quan tới táng thức này ở các bộ phận cư dân phía Nam Trung Quốc lại rất phong phú. Trong số những tư liệu nói trên, đáng chú ý hơn cả là thông tin về tục này vẫn còn được bảo lưu ở người Khách gia (客家民系 - “Khách gia dân hệ”, còn gọi là người “Hắc cá” hay “Hẹ”), là một bộ phận cư dân thuộc Hán tộc ở các tỉnh Đông Nam Trung Quốc (ở Việt Nam, họ là dân tộc Ngái) - một cộng đồng có ảnh hưởng tới văn hóa nhiều tộc người khác trong khu vực và ở dân tộc Choang. Trong các tư liệu Trung văn, phong tục này có khá nhiều tên gọi khác nhau - “二次葬” (nhị thứ táng), “撿骨葬” (kiểm cốt táng), “拾骨葬”(thập cốt táng), “迁骨葬” (thiên cốt táng), “洗骨葬” (tẩy cốt táng), “金罍葬” (kim anh táng)..., đều tương đương với khái niệm “cải táng”. Theo các nhà nghiên cứu Trung Quốc, tục lệ này được đề cập tới trong sách *Mặc Tử*, phần *Táng tiết* (“Việc chôn cất”). Theo đó, tục này có ở bộ phận cư dân phía Nam nước Sở. Gọi là “kiểm cốt táng” là vì sau khi có người chết, trước hết chôn quan tài bằng gỗ xuống đất, đợi 3-5 năm sau, thi thể mục nát, lượm xương táng lại” 所谓撿骨葬,就是人死后,先以棺木敛尸入土埋葬,待三五年尸体腐朽后,再撿骨重葬) (Dẫn theo: <https://www.guidaye.com/fs/mudi/24150.html>). Cũng theo các nhà nghiên cứu Trung Quốc, điều này hoàn toàn đối lập với quan niệm của người Hán Trung nguyên, nơi mà theo họ việc động chạm tới xương cốt tổ tiên là hành vi “đại nghịch bất đạo”, có thể dẫn tới tai họa “đoạn tử tuyệt tôn” (dẫn theo: <https://kknews.cc/culture/96mgbbq.html>). Những chiếc “úng quan”, “kim anh” (lu đựng hài cốt) ở đây hoặc được chôn xuống đất, hoặc được xếp trong hang động (trông tựa những bãi trữ hũ kim chi ở Hàn Quốc). Đặc biệt, qua các hình ảnh

minh chứng, có thể nhận ra hình dáng và kích thước của những “úng quan”, “kim anh” ở các cư dân Choang tộc và Khách gia đều y hệt các “ấn xùg” ở các cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái tại thị trấn Liên Nghĩa. Sự tồn tại của táng thức này ở các cư dân miền Nam Trung Quốc chứng tỏ sức sống lâu bền của tập tục cổ xưa ở một bộ phận cư dân bản địa, khác Hán (phi Hán tộc) từ thời đá mới, trước khi tổ tiên của họ bị Hán hóa. Về sau, mặc dù nhiều yếu tố văn hóa truyền thống của khối cư dân này đã bị giải thể, mai một bởi văn hóa Hán, song vẫn còn không ít yếu tố, trong đó có táng thức mộ chum, vẫn được bảo lưu cho đến hôm nay, nhất là ở vùng Lưỡng Quảng (Quảng Đông, Quảng Tây) - địa bàn cư trú bao đời nay của dân tộc Choang và những cư dân Ngái/Khách gia.

Từ những tư liệu trên, chúng tôi cho rằng, táng thức mộ chum, hay nói chính xác hơn là tập tục cải táng vào lu của các cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái ở thị trấn Liên Nghĩa hiện nay là sự kế thừa một tập tục từ nguyên quán của họ - khu vực Đông Nam Trung Quốc. Khi sang Việt Nam từ xa xưa và sau đó di cư vào Liên Nghĩa từ giữa thế kỷ XX, trong hành trang tâm linh mà họ mang theo có cả những tục lệ cổ truyền của tổ tiên, trong đó có táng thức mộ chum. Ngược dòng thời gian, rõ ràng táng thức này có cội nguồn từ thời tiền sử, phổ biến hơn cả là ở khu vực Đông Á và Đông Nam Á, trong đó có các di chỉ thuộc những nền văn hóa Sa Huỳnh, Lung Leng, Cồn Giò. Tuy nhiên, căn cứ vào hình dáng của những chiếc *ấn xùg* ở khối cư Tày, Hoa, Nùng, Thái ở Liên Nghĩa, có thể thấy chúng không giống hình dạng của những táng cụ cùng loại đã tìm thấy ở các di chỉ thuộc các nền văn hóa vừa nêu: hình dáng của những táng cụ tìm thấy ở các di chỉ thuộc các nền văn hóa Sa Huỳnh, Lung Leng gần giống với những chiếc chum/vò, còn hình dáng những chiếc *ấn xùg* lại gợi nên sự liên tưởng tới ý nghĩa ban đầu của táng thức mộ chum - hình quả trứng, thể hiện ước vọng tái sinh. Việc “cắt” cho nó “bằng đầu - bằng đuôi” như hiện nay có thể là kết quả của một “quá trình cải tiến” theo hướng tăng thêm sự thuận lợi trong sản xuất cũng như tiện lợi trong xếp/đặt và sử dụng. Việc sắp xếp hài cốt theo tư thế ngồi bó gối phải chăng là mô phỏng theo hình hài thai nhi trong bụng mẹ?

Kết luận

Tập tục cải táng vào lu (*ấn xùg*) ở các cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái ở thị trấn Liên Nghĩa là sự bảo lưu táng thức mộ chum đã có từ thời tiền sử, có giá trị như là minh chứng cho sức sống lâu bền của một tục lệ cổ xưa trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên, tục lệ cải táng của khối cư dân này cũng như tập tục cải táng nói chung cũng cần phải xem lại, bởi sự phản vệ sinh, gây ô nhiễm môi trường và ảnh hưởng tới sức khỏe của những người trực tiếp tham gia vào quá trình cải táng (cho dù hôm nay người ta đã có ý thức hơn như đeo khẩu trang, sử dụng găng tay nilon...). Đạo hiếu là rất đáng trân trọng, nhưng không nhất thiết cứ phải tiến hành cải táng như ở bộ phận cư dân Tày, Hoa, Nùng, Thái ở Liên Nghĩa nói riêng và tục cải táng ở người Việt các tỉnh phía Bắc - nói chung. Trong bản Di chúc viết ngày 15/5/1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra một đề xuất hết sức xác đáng: “Tôi yêu cầu thi hài tôi

được đốt đi, nói chữ là “hỏa táng”. Tôi mong rằng cách “hỏa táng” dần dần sẽ được phổ biến. Vì như thế đối với người sống đã tốt về mặt vệ sinh, lại không tốn đất. Bao giờ ta có nhiều điện, thì “điện táng” càng tốt hơn” (Hồ Chí Minh, 2002, tr. 499). Lời Di huấn của Bác từ hơn nửa thế kỷ trước thể hiện xu thế chung của nhân loại và đáp ứng nhu cầu của đông đảo quần chúng nhân dân. Thiết nghĩ, trong phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh, chúng ta cần quán triệt ước muốn chính đáng trên đây của Người.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chấp hành Đảng bộ Thị trấn Liên Nghĩa (2015), *Lịch sử truyền thống cách mạng của Đảng bộ và nhân dân thị trấn Liên Nghĩa (1954 - 2010)*, Nxb. Chính trị Quốc gia.
2. Lâm Thị Mỹ Dung (2003), “Về truyền thống mộ chum”, *Tạp chí Khảo cổ học*, Số 2, tr. 48-70.
3. Nguyễn Thị Hậu (2008), “Táng tục mộ chum ở Đông Nam Á”, *Websid Văn hóa học*, Trường Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
4. Đào Thị Hằng (2010), *Tìm hiểu người Thổ ở thị trấn Liên Nghĩa - Đức Trọng - Lâm Đồng*, Khóa luận tốt nghiệp ngành Việt Nam học, niên khóa 2006 - 2010, Trường Đại học Đà Lạt.
5. Nguyễn Huy Khuyến (2013), “Nghĩ lễ tang ma truyền thống của người Nùng (khảo sát ở huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng)”, *Tạp chí Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, Phần C: Khoa Xã hội - Nhân văn và Giáo dục, tr. 9-12.
6. Hồ Chí Minh (2002), *Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tập 12 (1966 - 1969), xuất bản lần thứ hai.
7. Đào Trinh Nhất (2016), *Thế lực Khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội (dựa theo bản in lần thứ nhất của Nhà in Thụy Ký năm 1924).
8. Trần Châu Ngọc (1971), *Khảo sát các sinh hoạt của các cư dân thượng du Bắc Việt định cư tại xã Tùm Nghĩa*, Tiểu luận Cao học chuyên ngành Địa lý, Viện Đại học Đà Lạt (bản in rô-nê-ô, lưu tại Thư viện Trường Đại học Đà Lạt).
9. Nguyễn Khắc Sử (2007), *Khảo cổ học tiền sử Tây Nguyên*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội.
10. Vũ Công Quý (1999), “Mộ chum văn hóa Sa Huỳnh và mộ chum ở Đông Nam Á”, *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, Số 3, tr. 51-59.
11. Phan Cẩm Thượng (2017), *Tập tục đời người - Văn hóa tập tục của người nông dân Việt Nam cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
12. UBND thị trấn Liên Nghĩa (2018), *Bảng tổng hợp thành phần các dân tộc trên địa bàn thị trấn Liên Nghĩa*, bản đánh máy, lưu tại Văn phòng UBND thị trấn Liên Nghĩa.
13. Nguyễn Thị Yên (2009), *Tín ngưỡng dân gian Tày Nùng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

14. Sở Nghiên cứu khảo cổ học Viện Khoa học Xã hội Trung Quốc - Sở Nghiên cứu Văn vật tỉnh Hà Bắc - Bảo tàng thành phố Hoàng Hoa (2018), Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế “Ứng quan táng và giao lưu văn hóa Đông Á thời cổ đại” (Hoàng Hoa, Trung Quốc), Khoa học xuất bản xã.

15. Hội đồng dân tộc Quốc gia biên soạn 5 loại sách về dân tộc (1984), *Các dân tộc thiểu số Trung Quốc*, Nhân dân xuất bản xã.

16. <https://www.guidaye.com/fs/mudi/24150.html>, truy cập ngày 24/5/2018.

17. <https://kknews.cc/culture/96mgbbq.html>, truy cập ngày 24/5/2018.



“Áng xù” (lu màu nâu) được bày bán trong quầy sành sứ tại chợ Thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng

Ảnh: Cao Thế Trình, chụp năm 2018